

DANH SÁCH NHẬN TIỀN TỔNG HỢP THÁNG 8/2024 QUA TÀI KHOẢN

STT	HỌ VÀ TÊN	Lương Tháng 8/24 1800000	NQ08 quý I/2024	Lễ 02/9 và kiêm nhiệm Phúc lợi	Thực lãnh	Ghi chú
1	LE QUANG RINH	5.882.940		100.000	5.982.940	
2	NGUYEN MINH LUAN	7.636.351		100.000	7.736.351	
3	DO THI LOAN	9.204.424		100.000	9.304.424	
4	PHAN THI MAI TRANG	8.106.286		100.000	8.206.286	
5	LE THI HONG HOA	5.470.124		100.000	5.570.124	
6	DUONG THI HONG THEU	5.470.124		100.000	5.570.124	
7	ĐÀO THANH VUONG	6.284.566		400.000	6.684.566	
8	BUI THIEN PHUOC	15.895.818		100.000	15.995.818	
9	LE TAN LOC	15.895.818		100.000	15.995.818	
10	Hà Ngọc Thạch	15.964.398	37.972.800	100.000	54.037.198	
11	LE THI NGUYET	10.144.965		400.000	10.544.965	
12	NGUYEN THI CAM THUY	14.699.250		100.000	14.799.250	
13	NGUYEN THI MINH HIEU	13.595.115		100.000	13.695.115	
14	NGUYEN THI HONG HA	12.372.750		100.000	12.472.750	
15	NGUYEN THI YEN	12.297.355		100.000	12.397.355	
16	TRAN DO HUYEN TRAM	12.901.500		100.000	13.001.500	
17	TRUONG THI THANH	12.587.033		100.000	12.687.033	
18	TRAN THI KIM LIEN	11.995.776		100.000	12.095.776	
19	NGUYEN THI THU	11.856.346		100.000	11.956.346	
20	TRAN NGOC NGUYEN PHUONG	11.490.650		100.000	11.590.650	
21	CAO TU KIM PHUNG	10.914.536		100.000	11.014.536	
22	HOANG THI NGOC HIEN	11.264.123		100.000	11.364.123	
23	NGUYEN THI BINH	11.774.268		100.000	11.874.268	
24	DUONG THI THU THUY	10.059.480		100.000	10.159.480	
25	DANG HONG DOAN	10.427.130		100.000	10.527.130	
26	NGUYEN THI THU HUONG	7.462.529		100.000	7.562.529	
27	NGO THI MY LINH	9.737.280		100.000	9.837.280	
28	LE THI HONG AN	9.801.720		100.000	9.901.720	
29	NGUYEN THI NGOC HA	10.059.480		100.000	10.159.480	
30	NGUYEN THI PHUONG OANH	9.608.400		400.000	10.008.400	
31	LE NGUYEN THAO TRAM	7.465.122		100.000	7.565.122	
32	NGUYEN NGOC HANH	7.061.309		100.000	7.161.309	
33	HO THI NGOC BICH	7.061.309		100.000	7.161.309	
34	TRAN THI HA	13.893.014		100.000	13.993.014	
35	NGUYEN THI HONG NGOC	13.406.558		100.000	13.506.558	
36	NGUYEN THI MAI LAN	13.486.786		100.000	13.586.786	
37	NGUYEN PHAN	8.968.575		100.000	9.068.575	
38	NGUYEN THAI TUONG VY	6.446.074		100.000	6.546.074	
39	TRAN CAO HOANG YEN	7.109.640		100.000	7.209.640	
40	MAI THOAI KHIEM	7.109.640		100.000	7.209.640	
41	NGUYEN THI HUONG TRAM	7.109.640		100.000	7.209.640	

42	VO THI PHUONG HIEN	7.583.616		100.000	7.683.616	
43	NGUYEN THI NGOC ANH	5.243.940		100.000	5.343.940	
44	TRINH HONG HANH	5.243.940		100.000	5.343.940	
45	LUU TUYET HOA	5.580.089		100.000	5.680.089	
46	MAI THI MAI	5.243.956		100.000	5.343.956	
47	Cao Lê Sĩ Bảo Gia	4.457.365		100.000	4.557.365	
48	Nguyễn Thị Thu Thủy	2.820.860		100.000	2.920.860	
49	Nguyễn Thanh Khiết	4.188.600		100.000	4.288.600	
50	Trần Minh Phát	4.188.600		100.000	4.288.600	
51	Nguyễn Đình Trung	4.188.600		100.000	4.288.600	
52	Nguyễn Thành Vinh	4.188.600		100.000	4.288.600	
53	Nguyễn Thị Thanh Hà	4.188.600		100.000	4.288.600	
54	Lâm Thị Phơ	4.188.600		100.000	4.288.600	
55	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	4.188.600		100.000	4.288.600	
56	Nguyễn Thị Yến			100.000	100.000	
57	Võ Thị Ngọc Thủy			100.000	100.000	
58	Đặng Thị Kiều Nga			100.000	100.000	
59	Nguyễn Thị Thu Hiền			100.000	100.000	
60	Trần Kim Thảo			100.000	100.000	
61					0	
62					0	
63					0	
					0	
	<u>Tổng cộng</u>	485.472.168	37.972.800	6.900.000	530.344.968	0

Bằng chữ: Tám trăm lẻ sáu triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng ./.

Trung Bình tháng 8/2024

8.987.203

Ngày 31 tháng 8 năm 2024

Cao nhất tháng 8/2024

54.037.198

Thấp nhất tháng 8/2024

100.000

HIỆU TRƯỞNG

Hà Ngọc Thạch